



yōu líng

幽灵

noun · ghost; specter

Example Sentences

chuán shuō zhè zuò gǔ bǎo lǐ yǒu yōu líng
传说这座古堡里有幽灵。

Legend says there is a ghost in this old castle.

tā bàn yè kàn dào yōu líng de yǐng zi
他半夜看到幽灵的影子。

He saw the shadow of a ghost at midnight.

Trace each character, then write the word on your own.

幽	幽	幽	幽	幽	幽	幽	幽	幽	幽	幽
幽										

灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵
